

Bản án số: 16/2024/KDTM-ST

Ngày: 27/5/2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Phú Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

2. Bà Nguyễn Thị Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2023/TLST-KDTM ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-KDTM ngày 05/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 110/2024/QĐST-KDTM ngày 03/5/2024 giữa các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ngân hàng P

Địa chỉ: Tòa nhà TPBank, số: 57 Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Lầu 8, tòa nhà Tiên Phong – DoJi, số 214 Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Hoài Dương là đại diện theo ủy quyền. (Có đơn đề nghị xử vắng mặt).

1.2. Bị đơn: Công ty A

Trụ sở: Tầng lửng, tòa nhà P, 117 – 119 đường T, Phường S, Quận C, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp: Ông N là đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: Tầng lửng, tòa nhà P, 117 – 119 đường T, Phường S, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện uỷ quyền của nguyên đơn là ông D trình bày: Ngày 08/9/2016, Ngân hàng P (gọi tắt là Ngân hàng P) ký Hợp đồng tín dụng số: 21/2016/HĐTD/TPU/01 với Công ty A (gọi tắt Công ty A). Theo đó, Tiên Phong đồng ý cấp cho Công ty A số tiền là: 595.000.000 đồng; với mục đích: Mua ô tô; thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 13/3/2018 là: 7,8%/năm. Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 13/9/2021: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần và bằng lãi suất cơ sở 03 tháng của Tiên Phong tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,05%/năm.

Thực hiện hợp đồng này, Công ty A đã ký khế ước nhận nợ số 21/2016/GNN/TPU/01 ngày 08/9/2016 với số tiền là: 595.000.000 đồng. Ngày 08/9/2016, Công ty A đã ký hợp đồng thế chấp số: 21/2016/HDBD/TPU/01 và Bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số: 21/2016/HDBD/TPU/01/SĐBSHĐ ngày 24/9/2016 với Ngân hàng P. Theo hợp đồng thế chấp này, Công ty A đã tự nguyện thế chấp cho Ngân hàng P: Xe ô tô MITSUBISHI TRITON GLS, biển số 51D – 039.01, theo Giấy đăng ký xe số 203146 do CA TP.HCM cấp ngày 15/9/2016. Tính tới ngày 05/02/2024, Công ty A đã thanh toán cho Tiên Phong số tiền như sau: Tiền gốc: 82.803.527 đồng; tiền lãi: 30.582.838 đồng. Dư nợ tạm tính của Công ty A tại Ngân hàng P theo Hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên đến ngày 05/02/2024 là:

- Nợ gốc : 512.196.473 đồng
- Nợ lãi trong hạn : 115.745.767 đồng
- Nợ lãi quá hạn : 495.474.631 đồng
- Tổng nợ : 1.123.416.761 đồng

Nay Ngân hàng P khởi kiện Công ty A đề nghị giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc Công ty A thanh toán cho Ngân hàng P tổng số tiền (tạm tính đến ngày 05/02/2024) là: 1.123.745.657 đồng, trong đó nợ gốc là: 512.196.473 đồng, nợ lãi trong hạn: 115.745.657 đồng, nợ lãi quá hạn: 495.474.631 đồng. Công ty A phải thanh toán phần nợ lại, lãi suất quá hạn, theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng nêu trên, được ký giữa Ngân hàng P và Công ty A cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Trường hợp sau 15 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty A không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng P có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên và phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho Tiên Phong. Tài sản bảo đảm là: Xe ô tô MITSUBISHI TRITON GLS, Biển số 51D – 039.01, theo Giấy đăng ký xe số 203146 do CA TP.HCM cấp ngày 15/9/2016. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ Công ty A tại Ngân hàng P. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty A vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng P.

Bị đơn Công ty A và người đại diện theo pháp luật: đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết Giấy triệu tập; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định của pháp luật, nhưng bị đơn vẫn không có mặt theo triệu tập nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán cho Ngân hàng P tổng dư nợ của Hợp đồng tín dụng số: 21/2016/HDTD/TPU/01 ngày 08/9/2016 tạm tính đến ngày xét xử 27/5/2024 là 1.157.712.867 đồng. Trong đó nợ gốc 512.196.473 đồng, lãi trong hạn: 115.745.657 đồng, lãi quá hạn 529.770.737 đồng. Ngoài ra yêu cầu trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký cho đến khi Công ty A hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng P. Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thì Ngân hàng P được quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là xe ô tô theo hợp đồng thế chấp xe tài sản số: 21/2016/HDBD/TPU/01 ngày 08/9/2016. Trường hợp tiền xử lý tài sản không đủ thì Công ty A vẫn tiếp tục thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng P.

- Bị đơn Công ty A và người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong khởi kiện bị đơn Công ty A thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết, xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận, huyện theo quy định tại khoản 1 điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Căn cứ kết quả trả lời xác minh của phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty A có trụ sở tầng lửng, tòa nhà An Phú Plaza, 117-119 Lý Chính Thắng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến nay doanh nghiệp nêu trên chưa đăng ký giải thể. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Xét bị đơn Công ty A và người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ Điều 196, khoản 1 Điều 207, Điều 208, Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành lập biên bản ghi nhận việc không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

[2.2] Xét bị đơn Công ty A và người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến tham gia tố tụng lần thứ hai tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt đại diện nguyên đơn theo qui định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về thanh toán nợ gốc, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Xét lời khai của nguyên đơn, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 21/2016/GNN/TPU/01 ngày 08/9/2016, và lịch trả nợ, có đủ cơ sở xác định ngày 08/9/2016 Ngân hàng P đã giải ngân số tiền 595.000.000 đồng cho Công ty A. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty A đã thanh toán cho Ngân hàng P số tiền nợ gốc là: 82.803.527 đồng, tiền lãi là 30.582.838 đồng và từ ngày 27/11/2018 Công ty A không trả cho Ngân hàng P thêm khoản tiền nào khác.

[3.2] Xét tại điểm c khoản 5.1.1 Điều 5 của Thỏa thuận chung về cung cấp sử dụng và sử dụng tín dụng tại Tpbank mã số 001 ngày 08/9/2016, đính kèm Hợp đồng tín dụng số: 21/2016/HĐTD/TPU/01 ngày 09/8/2016 quy định về sự kiện pháp lý “không hoàn trả đúng và đủ dư nợ” và phương thức xử lý quy định tại điểm b khoản 5.2 Điều 5 của thỏa thuận trên là “*thu hồi nợ trước hạn*”.

[3.3] Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*...bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”. Căn cứ khoản 1 Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*...Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận...*”.

[3.4] Căn cứ khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng*”.

[3.5] Xét bị đơn Công ty A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng P mặc dù đã được Ngân hàng P thông báo nhắc nợ nhưng phía bị đơn vẫn không thanh toán là đã vi phạm Hợp đồng tín dụng số 21/2016/HĐTD/TPU/01 ngày 08/9/2016. Do đó việc Ngân hàng P khởi kiện Công ty A yêu cầu thu hồi nợ gốc số tiền: 512.196.473 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về thanh toán nợ lãi:

[4.1] Tại khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: “*Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng*”, ngoài ra tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Vì Ngân hàng P có chức năng hoạt động tín dụng nên lãi suất sẽ do thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và khách hàng nên nguyên đơn căn cứ vào lãi suất thỏa thuận giữa hai bên tại hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ và Thỏa thuận chung về

cung cấp và sử dụng thẻ tín dụng tại TPBank mã số 001 ngày 08/9/2016 để tính lãi là phù hợp quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng.

[4.2] Xét, do Công ty A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng P yêu cầu bị đơn trả tiền lãi là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty A phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho nguyên đơn, tạm tính đến ngày xét xử 27/5/2024 là 1.157.712.867 đồng. Trong đó nợ gốc 512.196.473 đồng, lãi trong hạn: 115.745.657 đồng, lãi quá hạn 529.770.737 đồng. Ngoài ra tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi Công ty A hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng P.

[6]. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

[6.1] Tại Điều 1 của Hợp đồng thế chấp tài sản số 21/2016/HDBD/TPU/01 ngày 08/9/2016 thể hiện tài sản bảo đảm theo hợp đồng này là xe ô tô MISTSUBISHI TRITON GLS, xám bạc, số khung MMBJYKL30GH016174, số máy 4D56UAB9585, Biển số 51D – 039.01, theo Giấy đăng ký xe số 203146 do CA TP.HCM cấp ngày 15/9/2016. Tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp cũng quy định nghĩa vụ được đảm bảo cho Hợp đồng vay số 21/2016/HDTD/TPU/01 ngày 08/9/2016 đối với tài sản là xe ô tô nêu trên. Căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/4/2024, thì tại thời điểm xem xét thẩm định, chủ sở hữu xe Công ty Cổ phần XNK ASD không đưa tài sản là xe ô tô đối MISTSUBISHI TRITON GLS, xám bạc, số khung MMBJYKL30GH016174, số máy 4D56UAB9585, Biển số 51D – 039.01 đến địa điểm xem xét thẩm định, nên không thể tiến hành ghi nhận hiện trạng tài sản.

[6.2] Xét nội dung và hình thức Hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định tại Điều 298 và Điều 317 Bộ luật Dân sự năm 2015 và việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh số đăng ký 1224139807 ngày đăng ký 13/9/2016.

[6.3] Căn cứ Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “*Các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm: “Đến hạn thực hiện nghĩa vụ bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ...”*”

[6.4] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng P trong trường hợp Công ty A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng P được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện việc phát mại tài sản thế chấp, để thu hồi nợ về cho Ngân hàng P là xe ô tô MISTSUBISHI TRITON GLS, xám bạc, số khung MMBJYKL30GH016174, số máy 4D56UAB9585, Biển số 51D – 039.01, theo Giấy đăng ký xe số 203146 do CA TP.HCM cấp ngày 15/9/2016.

[7]. Xét ý kiến của đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8]. Về án phí: Công ty A phải chịu án phí sơ thẩm là 46.731.386 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 196; khoản 1 Điều 207; Điều 208; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 280, Điều 298, Điều 299; Điều 317, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức Tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng P.

1.1. Buộc Công ty A có trách nhiệm trả cho Ngân hàng P số tiền tạm tính đến ngày 27/5/2024 là 1.157.712.867 đồng. Trong đó nợ gốc 512.196.473 đồng, lãi trong hạn: 115.745.657 đồng, lãi quá hạn 529.770.737 đồng. Việc thanh toán được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty A còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất thỏa thuận tương ứng với Hợp đồng cho vay số: 21/2016/HDTD/TPU/01 ngày 08/9/2016 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 21/2016/GNN/TPU/01 ngày 08/9/2016 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng P. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất tiếp tục thanh toán sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm thi hành án.

1.3. Sau khi Công ty A thanh toán hết nợ, Ngân hàng P có trách nhiệm xóa thế chấp đối với xe ô tô MITSUBISHI TRITON GLS, xám bạc, số khung MMBJYKL30GH016174, số máy 4D56UAB9585, Biển số 51D – 039.01, Giấy đăng ký xe số 203146 do CA TP.HCM cấp ngày 15/9/2016 theo quy định của pháp luật.

1.4. Trường hợp Công ty A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng P được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện việc phát mãi tài sản là xe ô tô MITSUBISHI TRITON GLS, xám bạc, số khung MMBJYKL30GH016174, số máy 4D56UAB9585, Biển số 51D – 039.01, theo Giấy đăng ký xe số 203146 do CA TP.HCM cấp ngày 15/9/2016.

1.5. Trường hợp sau khi phát mãi các tài sản đảm bảo mà vẫn chưa đủ trả khoản nợ trên thì Công ty A phải tiếp tục trả số tiền chưa được thanh toán cho Ngân hàng P.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1 Công ty A phải chịu là 46.731.386 đồng.

2.2. Hoàn trả cho Ngân hàng P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.856.185 theo biên lai thu tiền số AA/2021/0006603 ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng P và Công ty A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 3;
- Tòa án nhân dân Tp.Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Phú Oanh